

Tình hình thực thi các cam kết hội nhập và những tác động chủ yếu tới nền kinh tế Trung Quốc kể từ sau khi gia nhập WTO

1. Kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện các cam kết của Trung Quốc trong khuôn khổ WTO

Trong khuôn khổ WTO, Trung Quốc đã đưa ra hơn 700 cam kết, tập trung vào 7 nhóm ngành cụ thể như sau:

- *Nông nghiệp*: Đây là một trong những lĩnh vực được Trung Quốc đánh giá là có thể sẽ chịu nhiều tác động tiêu cực sau khi gia nhập WTO. Theo cam kết, hàng rào thuế quan đối với nông sản phải cắt giảm từ 30% xuống còn 12%. Một số sản phẩm quan trọng và nhạy cảm như lúa mì, ngô, gạo, bông và dầu đậu được đăng ký hạn ngạch thuế: dưới 10% đối với nhập khẩu một lượng nhỏ, và trên 10% đối với khối lượng lớn.

- *Công nghiệp ô tô*: Đây cũng là một ngành được coi là sẽ chịu nhiều tác động bất lợi từ việc cắt giảm thuế quan. Theo cam kết, từ ngày 1/1/2002, Trung Quốc phải cắt giảm gần 1/3 thuế đối với các loại ô tô nhập khẩu. Thuế đánh vào các loại ô tô trên 3.000 phân khối được giảm từ 80% xuống 50,7%, các loại xe dưới 3.000 phân khối giảm từ 70% xuống 43,8%. Đến năm 2006, mức thuế đánh vào các loại xe hơi nhập khẩu là 25%, thuế đối với phụ tùng xe hơi giảm từ 23,4% xuống còn 10%. Hạn ngạch nhập khẩu xe hơi được bỏ hẳn vào năm 2005.

- *Năng lượng - dầu mỏ*: Trung Quốc phải mở cửa các ngành dầu thô và chế biến dầu cho khu vực tư nhân thông qua việc giảm dần độc quyền mua bán dầu. Ngoài ra, trong lĩnh vực phân phối sản phẩm dầu mỏ, Trung Quốc cũng đã có những cam kết mạnh mẽ hơn so với Việt Nam, cụ thể là sau ba năm vào WTO, Trung Quốc mở cửa lĩnh vực phân phối bán lẻ các mặt hàng dầu và năng lượng. Thị trường bán buôn các sản phẩm này phải được mở cửa sau 5 năm.

- *Ngân hàng*: Ngân hàng và các ngành dịch vụ khác nói chung cũng được Trung Quốc coi là nhóm ngành nhạy cảm với việc mở cửa thị trường sau khi gia nhập WTO. Theo cam kết, các ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh đồng NDT với các công ty Trung Quốc sau 2 năm kể từ khi Trung Quốc gia nhập WTO và với các cá nhân Trung Quốc sau 5 năm. Mọi hạn chế về địa lý phải được xóa bỏ sau 5 năm gia nhập.

- *Bảo hiểm*: Sau thời điểm gia nhập của Trung Quốc, các công ty nước ngoài có thể bán bảo hiểm thương mại và nhân thọ cho khách hàng Trung Quốc và nước ngoài; từ 2003, có thể bán bảo hiểm y tế, từ 2004, có thể bán hợp đồng bảo hiểm tập thể, trợ cấp cho tất cả các khách hàng.

- *Viễn thông*: Trung Quốc phải bỏ một phần các hạn chế tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia; tuân thủ các quy định về tiếp cận thị trường dịch vụ viễn thông cơ bản. Sau khi Trung Quốc gia nhập, phần vốn của các nhà đầu tư nước ngoài có thể tăng lên đến 25%, sau một năm, tỉ lệ này là 35% và sau 3 năm là 49%. Các hợp đồng thuê mua của ngành này được tự do hóa.

- *Các dịch vụ internet và truyền thông*: các nhà đầu tư nước ngoài có thể nắm giữ đến 30% vốn của các công ty Trung Quốc ở một số thành phố lớn. Sau hai năm, tỉ lệ này tăng lên 50% và mọi hạn chế về khu vực bị xóa bỏ. Thuế đối với các sản phẩm viễn thông sẽ phải giảm dần và xóa bỏ hẳn vào năm 2005. Dịch vụ viễn thông đường dài và dây cố định được mở cửa ở mức 25% sau ba năm và 49% sau 6 năm.

Ngoài ra, Trung Quốc cũng cam kết bãi bỏ hệ thống quản lý bằng hạn ngạch, thực hiện các thỏa thuận về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ngay sau khi gia nhập WTO.

Để triển khai thực hiện những cam kết này, Trung Quốc đã thực hiện những điều chỉnh khá toàn diện và đồng bộ trên nhiều lĩnh vực và ở nhiều cấp độ khác nhau. Những điều chỉnh này không chỉ tập trung vào việc bảo đảm đáp ứng một cách trực tiếp những yêu cầu của cam kết

mà còn hướng tới xử lý nhiều vấn đề gián tiếp khác để nhằm đạt được mục tiêu chung là nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế. Có thể thấy những điều chỉnh này tập trung ở một số nhóm nội dung sau:

- Sửa đổi Hiến pháp:

Tại kỳ họp Quốc hội khóa X đầu tháng 3 năm 2004, Hiến pháp Trung Quốc đã được sửa đổi (những sửa đổi trước đây là vào các năm 1988, 1993 và 1999). Lần sửa đổi này có nhiều điểm mới, đáng chú ý là: i) Hoàn thiện chế độ trung dụng đất (Nhà nước có thể trung dụng đất do nhu cầu lợi ích công cộng nhưng có đền bù). (ii) Làm rõ hơn phương châm của Nhà nước đối với kinh tế phi công hữu (trước hết là khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn sự phát triển của kinh tế phi công hữu, sau đó mới giám sát và quản lý nợ). Chính trên cơ sở này mà đầu năm 2005, Trung Quốc đã cho phép vốn phi công hữu được đi vào các ngành và lĩnh vực mà trước đó Nhà nước nắm độc quyền như điện, viễn thông, đường sắt, đường hàng không, dầu khí, cơ sở hạ tầng và sự nghiệp công ích, sự nghiệp và xã hội (giáo dục, nghiên cứu, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, dịch vụ tiền tệ, vào lĩnh vực công nghiệp quốc phòng. (iii) Hoàn thiện qui định về việc bảo vệ tài sản tư hữu (khẳng định rõ hơn tài sản tư hữu của công dân không được xâm phạm). (iv) Đưa thêm qui định về việc tôn trọng và bảo đảm nhân quyền.

- Điều chỉnh thể chế luật pháp:

Trung Quốc cũng đã nỗ lực điều chỉnh các luật và các qui định theo hướng tôn trọng các nguyên tắc minh bạch và đối xử quốc gia của WTO ngay sau khi gia nhập WTO. Sau hai năm, Trung Quốc đã chỉnh lý và sửa đổi hơn 2.300 văn bản pháp luật và các qui định của các bộ, ngành, chỉnh lý hơn 190.000 văn bản của các địa phương. Trung Quốc đã sửa đổi và ban hành mới những luật và qui định liên quan đến thương mại trong nước và nước ngoài, đầu tư nước ngoài, hợp tác kinh tế đối ngoại, bảo vệ quyền tác giả và các loại hình dịch vụ. Các Qui định được sửa đổi và ban hành mới đã hướng đến việc tự do hóa hơn lĩnh vực dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, thương mại, du lịch, truyền thông, vận tải, kế toán và pháp lý. Một số bộ và cơ quan ngang bộ liên quan đến các lĩnh vực này được cải tổ và sắp xếp lại. Trung Quốc đã bãi bỏ những hạn chế đối với hàng hóa nước ngoài, như bỏ những qui định cấm và hạn chế nhập khẩu ô tô nước ngoài, bỏ qui định cấm nước ngoài tham gia kinh doanh hoặc bán lẻ vào các ngành ở nội địa như dầu hỏa, dịch vụ đầu thầu và dịch vụ bảo hiểm.

Riêng trong lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, từ sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã sửa đổi ba đạo luật quan trọng liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ: Luật về Quyền tác giả, Luật về Thương hiệu hàng hóa, và Luật về Bằng sáng chế. Các bộ luật về Cạnh tranh không lành mạnh, về Chuyển giao công nghệ, Bảo vệ phần mềm máy tính và các chương trình kèm theo và Các sản phẩm dược và nông sinh học cũng đã được soạn thảo và ban hành. Ngoài ra, Trung Quốc cũng đã điều chỉnh cơ bản các đạo luật áp dụng cho các ngành công nghiệp dược phẩm và phần mềm.

- Thực hiện nhiều biện pháp, chính sách thuế thúc đẩy xuất khẩu hàng có giá trị gia tăng cao và công nghệ cao:

Để đạt được mục tiêu tăng cường xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc tiếp tục sử dụng các biện pháp thương mại và các biện pháp khác nhằm khuyến khích sản xuất trong nước trong các ngành hướng xuất khẩu hoặc là đầu vào cho các nhà sản xuất trong nước. Các biện pháp bao gồm thuế xuất khẩu, thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT), cấp giấy phép xuất khẩu cho xuất khẩu một số sản phẩm (nhằm tránh làm nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt). Các biện pháp khác bao gồm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu nhằm thúc đẩy xuất khẩu một số mặt hàng nhất định.

Nhìn chung, mặc dầu các rào cản nhập khẩu đã cắt giảm rất đáng kể, song chế độ xuất khẩu của Trung Quốc vẫn còn tương đối phức tạp và nhiều biện pháp được sử dụng để quản lý xuất

khẩu một số loại hàng hoá. Chẳng hạn, thuế xuất khẩu và các mức hoàn thuế VAT được sử dụng đan xen nhau. Trung Quốc đến nay vẫn còn duy trì thương mại nhà nước trong xuất nhập khẩu một số mặt hàng nông sản, than, một số loại quặng kim loại, hàng dệt, may; dầu thô và tinh chế. Xuất khẩu các mặt hàng khác được khuyến khích thông qua những ưu đãi trong các khu vực thương mại tự do, kinh tế đặc biệt và các khu vực kinh tế ưu đãi khác.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu, khai thác thị trường nước ngoài:

Trung Quốc thực hiện việc thúc đẩy xuất khẩu thông qua các biện pháp như tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu; hỗ trợ dịch vụ thông tin công cộng; hỗ trợ các nhà xuất khẩu trong việc khai thác thị trường quốc tế; tạo dựng các thể chế thúc đẩy thương mại thông qua phát triển các môi quan hệ ngoại thương, tài trợ các cuộc triển lãm, hội chợ, cung ứng thông tin và các dịch vụ tư vấn, trong đó có việc ấn hành thường xuyên các hướng dẫn về giảm hay ngừng xuất khẩu hàng dệt, may tới các nước đưa ra các hạn chế nhập khẩu các mặt hàng có liên quan; và hỗ trợ xuất khẩu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tính riêng trong năm 2003, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc đã cung cấp 59 tỷ USD tín dụng xuất khẩu cho các doanh nghiệp xuất khẩu, tăng 37,8% so với năm trước; trong đó, 65,9% dành cho xuất khẩu hàng điện cơ và điện tử, 38,8% dành cho xuất khẩu hàng công nghệ cao và công nghệ mới và 18,3% cho thuê tàu, thuyền. Chính phủ cũng hỗ trợ xuất khẩu cho một số mặt hàng dệt, may thông qua bảo hiểm tín dụng xuất khẩu. Ngoài ra, Trung Quốc không yêu cầu kiểm hóa hàng xuất khẩu trước khi bốc lên tàu (PSI) mà chỉ làm theo yêu cầu của các đối tác thương mại.

- Thúc đẩy phát triển các ngành công nghệ cao và xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài:

Trung Quốc phát triển khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (nhất là khu vực công nghiệp chế biến hướng về xuất khẩu, sử dụng nhiều vốn và công nghệ cao, công nghệ mới) để thúc đẩy xuất khẩu và đẩy mạnh công nghiệp hóa. Trung Quốc đã dành nhiều dạng ưu đãi như kiểm soát giá cả, trợ giá về điện, nước, mặt bằng... Nhờ vậy, khu vực công nghiệp chế biến có mức tăng trưởng cao và chiếm hơn 90% tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa của Trung Quốc. Ngoài ra, cũng cần lưu ý là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs) đóng vai trò mấu chốt trong hoạt động xuất khẩu của nước này. Các doanh nghiệp FIEs được hưởng mức thuế thấp, nhất là ở các ngành, địa phương được khuyến khích đầu tư.

- Chủ động đối phó với các vấn đề tranh chấp thương mại, trước hết là việc áp thuế chống bán phá giá của các nước đối với hàng xuất khẩu của Trung Quốc:

Cho đến thời điểm này, Trung Quốc là nước bị áp dụng điều khoản chống bán phá giá nhiều nhất. Theo ước tính của Trung Quốc, trong 20 năm qua các biện pháp chống bán phá giá đã gây thiệt hại trực tiếp cho Trung Quốc khoảng 10 tỉ USD. Để hạn chế tình trạng này, Trung Quốc đã áp dụng nhiều biện pháp như: tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu, về vai trò và tầm quan trọng của chính các doanh nghiệp trong quá trình xử lý các vụ kiện chống bán phá giá; thành lập cơ quan chuyên trách hầu kiện, hình thành các tổ chức chuyên nghiệp để cùng với doanh nghiệp tham gia quá trình tố tụng, xây dựng Uỷ ban Kiểm soát công bằng trong thương mại ngay sau khi gia nhập WTO...

2. Tác động chủ yếu của cam kết WTO tới kinh tế của Trung Quốc

a) Những tác động tích cực:

Về cơ bản, có thể thấy nền kinh tế Trung Quốc đã chuyển biến một cách mạnh mẽ và theo hướng tích cực sau hơn 5 năm trở thành thành viên của WTO. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn này của Trung Quốc đạt mức cao nhất trong lịch sử, nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô không ngừng được cải thiện... đã tạo ra những động lực mới cho sự phát triển.

Mức tăng trưởng GDP bình quân của Trung Quốc gần 9,8%/năm trong giai đoạn 2001 - 2005 so với mức khoảng 8,5%/năm trong giai đoạn 1998 - 2001 và đến năm 2005 đã đạt qui mô trên 2.200 tỷ USD, trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trên thế giới. Thu nhập bình quân đầu người cũng tăng từ 1.038 USD vào năm 2001 lên 1.700 vào năm 2005.

Lượng vốn đầu tư FDI được thu hút vào Trung Quốc cũng đã tăng kỷ lục từ 124 tỷ USD trong giai đoạn 1999 - 2001 lên 151,5 tỷ USD trong giai đoạn 2002 - 2004; riêng trong năm 2005, đạt 72 tỷ USD. Cơ cấu đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc cũng ngày được hoàn thiện, các hạng mục đầu tư vào khoa học và kỹ thuật ngày càng được tăng cường, đầu tư vào khu vực dịch vụ tăng mạnh, nhiều công ty xuyên quốc gia đến Trung Quốc thành lập tổng đại diện, trung tâm giao dịch và trung tâm nghiên cứu phát triển; tỷ lệ dự án đầu tư 100% vốn nước ngoài tiếp tục gia tăng.

Hoạt động ngoại thương không ngừng được mở rộng với mức tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu trung bình đạt xấp xỉ 30%/năm, năm 2003 đạt 851 tỷ USD (đứng thứ 4 thế giới) và năm 2005 đạt 1.422 tỷ USD (đứng thứ 3 thế giới). Trong khi đó, thặng dư cán cân thương mại hàng hoá vẫn được duy trì ở mức 25 - 30 tỷ USD/năm trong suốt giai đoạn 1997 - 2004 và riêng năm 2005 là 112 tỷ USD.

Hầu hết những nguy cơ được dự đoán trước khi gia nhập WTO đối với nông nghiệp, sản xuất ô tô, dịch vụ, thu ngân sách nhà nước... đã không xảy ra. Nông nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn thời kỳ trước đó; xuất khẩu nông sản bất ngờ tăng tốc và đạt tới trên 15%/năm trong giai đoạn 2002 - 2005 so với mức trung bình là 2,29%/năm trong giai đoạn 1998 - 2001. Ngành sản xuất ô tô trong nước tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và đạt khoảng 25% vào năm 2006; xuất khẩu ô tô tiếp tục tăng mạnh trong khi nhập khẩu giảm. Các ngành dịch vụ nhạy cảm và có mức cam kết mở cửa thị trường mạnh như tài chính - ngân hàng - bảo hiểm, đều được giữ vững và phát triển sôi động hơn trước. Thu ngân sách không giảm mà ngược lại, tổng lượng thu từ thuế xuất nhập khẩu đã tăng gần 2,5 lần trong giai đoạn này.

b- Những khó khăn gặp phải:

Về cơ bản, những khó khăn này tập trung vào 3 nhóm sau đây:

- *Khả năng điều chỉnh, thích ứng của bộ máy quản lý nhà nước và chất lượng của nguồn nhân lực*

Qua tiếp xúc và trao đổi với một số cơ quan Chính phủ của Trung Quốc, một trong những vấn đề được coi là thách thức rất lớn mà nước này đã và đang phải tìm cách vượt qua sau khi trở thành thành viên của WTO là khả năng đổi mới hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước cũng như vấn đề chất lượng công chức nói riêng và chất lượng nguồn nhân lực nói chung. Cạnh tranh trong hội nhập đã tạo ra áp lực không chỉ cho khu vực doanh nghiệp trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh mà còn tạo ra áp lực không nhỏ đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tìm cách cơ cấu lại tổ chức bộ máy, đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng của người lao động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của cả hệ thống, tạo môi trường thuận lợi cho các ngành kinh tế phát triển. Bên cạnh đó, cùng với sự tham gia ngày càng mạnh mẽ của các doanh nghiệp nước ngoài, các tập đoàn quốc tế lớn theo các cam kết mở cửa thị trường, yêu cầu về nguồn nhân lực (cả số lượng và chất lượng) ngày càng trở nên cấp bách.

- *Khả năng ứng phó với những tranh chấp và xung đột thương mại*

Các xung đột về thương mại của Trung Quốc với các đối tác thương mại ngày càng tăng lên. Trong số 276 vụ kiện chống bán phá giá của các thành viên WTO thì có 47 vụ là có liên quan đến Trung Quốc với số tiền phạt là 450 triệu USD. Chỉ trong 10 tháng đầu năm 2004, đó có 15 nước và khu vực kiện Trung Quốc với 50 vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ giá, biện pháp bảo hộ và điều tra bảo hộ đặc biệt với số tiền phạt khoảng 1,15 tỷ USD. Các vụ kiện phần lớn xuất phát từ Mỹ và EU. Bên cạnh những vấn đề xung đột thương mại, Trung Quốc cũng gặp phải một số vấn đề khác như thâm hụt thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ hay Trung Quốc và EU. Tình hình đó đã đặt Trung Quốc trước những thách thức không nhỏ trong việc kiểm soát và ứng phó để bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định và hiệu quả.

- Khả năng kiểm soát tăng trưởng và bảo đảm phát triển bền vững

Sau khi gia nhập WTO, nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Nhiều mặt hàng Trung Quốc đã tiêu thụ nhiều hơn Mỹ như thép, nhôm, đồng, than... Tuy nhiên, mức tăng trưởng cao và sự bùng nổ phát triển làm cho nhu cầu nhập khẩu tăng lên cao cũng như việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên quá mức đang làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và bảo đảm các nguồn lực tự nhiên cho sự phát triển lâu dài và bền vững. Tăng trưởng nóng đang là một thách thức to lớn đối với sự phát triển bền vững của Trung Quốc, nhất là sau khi gia nhập WTO.

Nhiều vấn đề về xã hội và môi trường vốn đã tồn tại từ trước khi Trung Quốc gia nhập WTO đã trở nên nghiêm trọng hơn. Hồ ngấn cách giàu nghèo ngày càng có xu hướng gia tăng. Cho đến 2005, khoảng 1/5 dân số Trung Quốc chiếm hữu 1/2 tài sản và của cải của đất nước. Các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân tích tụ lại và có những diễn biến phức tạp. Kinh tế vùng phát triển không cân đối do miền Tây có những thiệt thòi về vị trí so với các vùng miền Đông (tình trạng Đông phú, Tây bần). Tình trạng tham nhũng, lợi dụng mở cửa để làm ăn phi pháp, trục lợi cá nhân bất chính khá trầm trọng, gây ra nhiều bất bình trong xã hội. Trong năm 2004, trên toàn Trung Quốc có 74 nghìn vụ nổi loạn, biểu tình, trong khi đó năm 2003 chỉ có 16 nghìn vụ. Trung Quốc đồng thời cũng gặp phải tình trạng ô nhiễm ngày càng ra tăng. Mỗi năm, sự thiệt hại do tình trạng ô nhiễm môi trường tạo ra theo một số tính toán lên tới 54 tỉ USD. Hầu hết các con sông đều bị ô nhiễm, hơn 1/3 đất nước bị mưa axit tấn công. Các con sông lớn bị ô nhiễm nặng nề khiến hàng trăm triệu dân không có nước sạch để uống. Nhiều thành phố của Trung Quốc nằm trong số những thành phố khói bụi nhất thế giới. Các bạn Trung Quốc đã phải thừa nhận rằng vấn đề ô nhiễm đã trở thành một quả bom công phá sự ổn định xã hội.